ĐẠI HỌC QUỐC GIA

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

−−−−− 🕮 −−−−−

**ĐẶNG THỊ HOÀI**

**ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**CHO NÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI BÌNH**

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

MS: 62.31.01.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

**Hà Nội, năm 2017**

**Công trình được hoàn thành tại trường đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học:** ***PGS. TS. Phạm Thị Hồng Điệp***

**Phản biện 1:** ...........................................................................................

**Phản biện 2:** ..........................................................................................

**Phản biện 3:** ..........................................................................................

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường họp tại**

..................................................................................................................

Vào hồi .......... giờ .............. ngày ........... tháng ................ năm ...........

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc Gia Việt Nam

- Trung tâm thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

**1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu**

Chủ trương phát triển nông nghiệp luôn được nhất quán trong suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nông nghiệp luôn được quan tâm, đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Do đó, đến nay có thể khẳng định: Nông nghiệp nước ta đã có bước phát triển vượt bậc, đạt được nhiều thành tựu, liên tục trong nhiều năm nông nghiệp đạt mức tăng trưởng khá cả về giá trị, sản lượng. Tuy nhiên, bên cạnh đó nông nghiệp còn rất nhiều hạn chế: Quy mô sản xuất manh mún, chất lượng nông sản thấp, chưa ứng dụng nhiều các thành tựu khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp trình độ thấp, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn thiếu, chưa đồng bộ, phát triển nông nghiệp chưa gắn kết với thị trường…

Đến nay, nông nghiệp vẫn là một ngành nhiều rủi ro, bị lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên, các loại bệnh dịch…do đó, tỷ suất lợi nhuận của ngành nông nghiệp thấp, đầu tư cho nông nghiệp thường phải “dài hơi”, hơn nữa vốn đầu tư cho hạ tầng sản xuất nông nghiệp lớn và quay vòng chậm.

Thái Bình là một tỉnh “thuần nông”, nông nghiệp là ngành chính, chiếm tỷ trọng lớn và đồng thời còn là ngành thế mạnh của tỉnh. Vì vậy, đầu tư Ngân sách nhà nước (NSNN) cho ngành nông nghiệp với tư cách là đầu tư công sẽ đầu tư vào những những vực mà đầu tư tư nhân không hoặc rất ít đầu tư nhằm tạo “vốn mồi” là hết sức cần thiết.

Tuy nhiên trong thời gian qua trong thời gian qua, đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình vẫn còn nhiều hạn chế. NSNN đầu tư cho cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu, đầu tư cho khoa học - công nghệ cho nông nghiệp chưa được chú trọng, nhân lực phục vụ nông nghiệp chưa được đầu tư thỏa đáng, khoản đầu từ từ NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản còn rất hạn chế.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu tình hình đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình, đánh giá kết quả đầu tư NSNN cho nông nghiệp của tỉnh trong thời gian qua, kết hợp với mục tiêu và định hướng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh trong thời gian tới để đề xuất những giải pháp đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của NSNN và thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Vì vậy***, “Đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình”*** được Nghiên cứu sinh chọn làm đề tài luận án tiến sĩ.

**2. Câu hỏi nghiên cứu chính của luận án**

*Câu hỏi:*Tình hình và kết quả đầu tư NSNN cho nông nghiệp của tỉnh Thái Bình trong thời gian qua (2006 – 2015) như thế nào? Giải pháp nào để đầu tư NSNN đạt hiệu quả cao và thực hiện được mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới (từ nay đến 2020 và tầm nhìn 2030)

**3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Nghiên cứu tình hình đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình và đánh giá hiệu quả của việc đầu tư, đề xuất giải pháp đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới.

***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về đầu tư từ NSNN và đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp. Xây dựng khung lý thuyết về đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp của địa phương.

- Đánh giá kết quả của đầu tư từ NSNN đến ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình. Chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình từ năm 2006 - 2015

- Đưa ra được những kiến nghị, giải pháp về việc thực hiện đầu tư từ NSNN ở tỉnh Thái Bình nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư từ NSNN và thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Nghiên cứu đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp. Nghiên cứu tình hình đầu tư NSNN, kết quả đầu tư NSNN (Kết quả được đánh giá qua các tiêu chí)

***4.2. Phạm vi nghiên cứu:***

- Phạm vi nội dung: Tập trung nghiên cứu tác động của đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp theo các nội dung đầu tư.

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu về việc thực hiện đầu tư từ NSNN và sự phát triển của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Phạm vi thời gian: Quá trình đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình từ năm 2006 đến năm 2015 và những dự báo đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ Kinh tế chính trị, trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

***Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án***

*Phương pháp trừu tượng hóa khoa học:* Đề tài sử dụng phương pháp này nhằm gạt bỏ một số yếu tố không cơ bản hoặc giả định một số nhân tố không thay đổi trong quá trình nghiên cứu.

*Phương pháp thu thập tài liệu, dữ liệu và* *Phương pháp xử lý tài liệu, dữ liệu:* Những nghiên cứu về đầu tư từ NSNN ở Việt Nam và trên thế giới ở Thư viện Quốc gia, các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, tạp chí, chuyên đề nghiên cứu và các dự án nghiên cứu. Sau đó tổng hợp, phân loại các tài liệu, dữ liệu.

*Phương pháp phân tích, tổng hợp* được sử dụng trong quá trình nghiên cứu lý thuyết cũng như việc phân tích số liệu về tình hình đầu tư, đánh giá kết quả của quá trình đầu tư NSNN cho nông nghiệp và rút ra những kết luận.

*Phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu* được sử dụng để đánh giá tác động của đầu tư bằng NSNN đối với ngành nông nghiệp của tỉnh trong những giai đoạn khác nhau, theo những nội dung khác nhau.

*Phương pháp chuyên gia – phỏng vấn sâu* được sử dụng nhằm tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong việc đánh giá tác động của việc thực hiện đầu tư bằng NSNN đến sự phát triển của ngành nông nghiệp ở Thái bình, cũng như những dự báo và kiến nghị về đầu tư NSNN cho Thái Bình trong thời gian tới.

**6. Đóng góp của luận án**

- Hệ thống hoá và làm rõ thêm những vấn đề lý thuyết về đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh. Xác định nội dung đầu tư của NSNN cho nông nghiệp, xác định được những tiêu chí đánh giá kết quả đầu tư của NSNN cho nông nghiệp và những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đầu tư.

- Nghiên cứu tình hình đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong thời gian từ năm 2006 đến 2015. Làm rõ những tác động từ việc thực hiện đầu tư từ NSNN đến sự phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình. Đặc biệt, luận án tiếp cận đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình theo nội dung đầu tư.

- Đánh giá kết quả đầu tư của NSNN cho ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong thời gian qua (2006 – 2015)

- Đưa ra các kiến nghị, giải pháp trong việc thực hiện đầu tư từ NSNN ở địa phương nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư từ NSNN và thực hiện mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình.

**7. Kết cấu của luận án:**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu về đầu tư từ NSNN và đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp*

Chương 2: *Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp*

Chương 3: *Thực trạng* *đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình*

Chương 4: *Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình.*

**CHƯƠNG 1**

**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐẦU TƯ**

**TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ TỪ**

**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

**1.1. Những nghiên cứu về đầu tư từ NSNN cho phát triển kinh tế - xã hội**

Có rất nhiều nghiên cứu liên quan đến đầu tư NSNN cho tăng trưởng kinh tế nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung ở Việt Nam cũng như trên thế giới, trong đó có những nghiên cứu tiêu biểu của các tác giả như:

Bird an Wallich (1993), David Alan Aschauer (1998), Nguyễn Khắc Minh (2008),Hoàng Thị Chinh Thon (2010), Phó Thị Kim Chi và cộng sự (2013), Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và cộng sự (2014), Mai Đình Lâm (2015), CIEM(2013), Thông tin chuyên đề, Bùi Mạnh Cường (2012)*,* Nguyễn Công Nghiệp (2010), Trịnh Quân Được (2001), Trần Văn Lâm (2009), Đàm Văn Vượng (2003), giả Nguyễn Thị Thanh Nhàn (2012), Phan Thanh Mão (2003), Tô Thiện Hiền (2012),..vv

Những nghiên cứu này đề cập đến vai trò của NSNN trong việc đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh vai trò của NSNN khi đầu tư vào những ngành lợi nhuận thấp, tốc độ quay vòng vốn chậm, hoặc tại những thời điểm đầu tư không thuận lợi. Đặc biệt, các tác giả đề cập đến vai trò tạo hiệu ứng lan tỏa đối với đầu tư tư nhân của khoản đầu tư này.

**1.2. Tình hình nghiên cứu về đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp**

 Nghiên cứu về đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp, các tác giả thường quan tâm đến việc sử dụng nguồn ngân sách để đầu tư “vào đâu Có những nghiên cứu của các tác giả như:

Simon Williams (1965), Juro Teranishi và Yutaka Kosai (chủ biên, 1965), Shenggen Fan, Babatunde Omilola, Melissa Lambert, (2009), Helder Zavale, Gilead Mlay, Duncan Boughton, Adriano Chamusso, Helder Gemo and Pius Chilonda, (2011), Paul Heisey, Sun Ling Wang, Keith Fuglie, (2011),Phạm Thị Khanh (2003), Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2015), Phạm Nguyễn Ngọc Anh (2014), Đặng Quang Vinh (2009), Vũ Văn Hùng (2013), Trần Mai Chi (2000) World Bank (2007), Stephen Akroyd (2012), Đặng Thanh Sơn (2009), Trần Viết Nguyên (2015), Bộ nông nghiệp và Phát nông thôn (2014), Lê Văn Hoan (2007), Phạm Văn Hiệp (2015)…vv

Những nghiên cứu này đều chỉ ra việc đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp là cần thiết bởi đặc trưng và vai trò của ngành này trong hệ thống nền kinh tế quốc dân cũng như đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Đối với từng địa phương do đặc điểm không giống nhau, NSNN đầu tư cho nông nghiệp vì vậy cũng được xác định khác nhau về nội dung, cơ cấu, mức độ… đầu tư. Do đó, tác động của việc đầu tư NSNN đối với ngành nông nghiệp cũng không giống nhau.

**1.3. Những đóng góp của các công trình nghiên cứu luận án cần tham khảo và những vấn đề luận án cần tiếp tục làm sáng rõ**

***1.3.1. Những vấn đề luận án cần tham khảo***

*Thứ nhất:* Khi sử dụng nguồn vốn NSNN thì nên chi đầu tư hay chi thường xuyên để đạt hiệu quả cao. Các nghiên cứu đều cho thấy chi đầu tư thường có hiệu quả cao hơn chi thường xuyên (chi thường xuyên hay chi đầu tư lại được thể hiện thông qua nội dung đầu tư)

*Thứ hai:* Nguồn vốn NSNN phát huy tác dụng trong ngắn hạn hay trong dài hạn và có hiệu quả đầu tư như thế nào so với các khu vực đầu tư khác. Hầu hết các nghiên cứu đều chỉ ra rằng nguồn vốn NSNN có tác dụng tích cực cả trong ngắn và dài hạn, tuy nhiên trong dài hạn có tác động rõ rệt hơn, đặc biệt trong việc tạo hiệu ứng lan tỏa, kích thích, thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân. So với các khu vực đầu tư khác (đầu tư tư nhân) thì đa số các nghiên cứu đều chỉ ra rằng: Đầu tư từ NSNN có hiệu quả thấp hơn.

*Thứ ba:* Các nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp bao gồm: vốn đầu tư, lao động nông nghiệp và khoa học công nghệ cho nông nghiệp. hạ tầng nông nghiệp, đất đai, khí hậu, thị trường nông sản..

 *Thứ tư:* Đánh giá kết quả đầu tư vốn cho ngành nông nghiệp, đặc biệt vốn NSNN phải coi trọng cả hai mặt kinh tế và xã hội bởi vai trò của ngành nông nghiệp và khu vực nông thôn cũng như đối tượng bị tác động trực tiếp là nông dân.

***1.3.2. Những vấn đề các công trình nghiên cứu chưa hoặc ít đề cập***

*Những vấn đề các công trình nghiên cứu chưa hoặc ít đề cập*

*Thứ nhất:* Chưa hoặc ít nghiên cứu vốn NSNN cho nông nghiệp. Chủ yếu đề cập đến vấn đề vốn nói chung cho nông nghiệp (tất cả các nguồn vốn)

*Thứ hai:* Chưa xem xét tác động của vốn NSNN cho một ngành cụ thể, đặc biệt là ngành nông nghiệp, thường chỉ xem xét vai trò của NSNN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

*Thứ ba*: Khi nghiên cứu vấn đề đầu tư vốn cho nông nghiệp chưa xem xét theo nội dung đầu tư: nhân lực, khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng và xúc tiến thương mại cho ngành nông nghiệp (đa số chỉ đề cập vấn đề đầu tư theo tiểu ngành:nông, lâm và thủy sản)

*Thứ tư*: Cần phải có một cách nhìn toàn diện về việc đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp theo từng nội dung đầu tư để có những quyết định đầu tư hợp lý về mức độ, thời gian, quy mô…

***1.3.3. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu và làm rõ:***

*Về mặt lý luận:*

Hình thành khung lý thuyết về đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp của địa phương: Xác định nội dung đầu tư NSNN theo lĩnh vực đầu tư, để thấy được địa phương cần tập trung đầu tư cho nội dung nào (Nhân lực phục vụ nông nghiệp, khoaa học công nghệ phục vụ nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nông nghiệp hay hoạt động xúc tiến thương mại nông sản); Xác định các tiêu chí đánh giá kết quả đầu tư và những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đầu tư NSNN cho nông nghiệp.

*Về mặt thực tiễn:*

Phân tích tình hình đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình, đánh giá kết quả đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong thời gian qua. Đề xuất những giải pháp về đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong thời gian tới.

**CHƯƠNG 2**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIẾN VỀ ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

**2.1. Khái quát về đầu tư từ NSNN**

***2.1.1. Khái niệm vốn đầu tư từ NSNN***

Vốn NSNN có các đặc điểm sau:

*Thứ nhất*: Vốn NSNN gồm vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản; vốn đầu tư cho sửa chữa lớn tài sản cố định, mua sắm và lắp đặt thiết bị máy móc; vốn đầu tư bổ sung cho vốn lưu động và các nguồn vốn đầu tư phát triển khác như vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cho khoa học công nghệ, cho đào tạo nguồn nhân lực…

*Thứ hai:* Vốn đầu tư phát triển từ NSNN có nguồn từ ngân sách, bao gồm các nguồn thu chủ yếu từ thuế và phí, lệ phí

*Thứ ba:* Vốn NSNN cũng giống các nguồn vốn đầu tư của cá nhân, doanh nghiệp khác ở chỗ chúng đều được đầu tư nhằm làm gia tăng tài sản tài chính, vật chất, trí tuệ, nguồn nhân lực cho nền kinh tế. Chỉ khác nhau ở chỗ, vốn NSNN đầu tư nhằm trực tiếp gia tăng tài sản và năng lực sản xuất của nền kinh tế, vốn đầu tư của cá nhân doanh nghiệp làm gia tăng tài sản của cá nhân và doanh nghiệp, qua đó làm tăng tài sản và năng lực của nền kinh tế.

*Thứ tư:* Vốn đầu tư từ NSNN được xét ở nhiều cấp, theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách (4 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh, huyện, xã).

***2.1.2. Phân loại vốn đầu tư từ NSNN***

*- Căn cứ vào nguồn NSNN vốn đầu tư từ NSNN gồm*:

Vốn đầu tư từ NSNN là thuế, phí; Vốn đầu tư từ NSNN là các nguồn vốn viện trợ; Vốn đầu tư từ NSNN là nguồn vốn đầu tư gián tiếp (ODA)

*- Căn cứ vào chủ thể quản lý vốn đầu tư từ NSNN, vốn đầu tư từ NSNN gồm:* Vốn đầu tư từ NSNN cấp trung ương; Vốn đầu tư từ NSNN cấp địa phương; Nguồn vốn đầu tư phát triển của Chính phủ

Trong phạm vi luận án, tác giả nghiên cứu đối tượng chính là ngân sách cấp Tỉnh và không nghiên cứu về nguồn ngân sách đó, chỉ xem xét khoản đầu tư từ NSNN của tỉnh cho ngành nông nghiệp như thế nào.

***2.1.3. Đặc điểm của đầu tư từ NSNN***

*Thứ nhất:* Vốn đầu tư từ NSNN của mỗi cấp luôn gắn liền với quyền lực của ngân sách cấp đó

*Thứ hai:* Vốn đầu tư từ NSNN cấp tỉnh liên quan chặt chẽ với mức đóng thuế của dân địa phương và đầu tư của hộ gia đình và doanh nghiệp.

*Thứ ba*: Vốn đầu tư từ NSNN các cấp thường được sử dụng vì lợi ích cả cộng đồng, lợi ích địa phương và lợi ích quốc gia.

*Thứ tư:*Vốn đầu tư từ NSNN được sử dụng vào chương trình, dự án có quy mô lớn của địa phương và quốc gia.

***2.1.4. Vai trò của đầu tư từ NSNN***

*Một là*: Vốn đầu tư từ NSNN của địa phương góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở địa phương

*Hai là:* Vốn đầu tư từ NSNN của địa phương góp phần tăng tổng cầu và kích thích tăng trưởng kinh tế địa phương cũng như kinh tế quốc gia trong ngắn hạn.

*Ba là:* Vốn đầu tư từ NSNN ở mỗi địa phương có tác động thu hút đầu tư từ địa phương khác và của nước ngoài

*Bốn là*: Vốn đầu tư từ NSNN cấp địa phương có tác động làm tăng năng lực sản xuất nền kinh tế địa phương và góp phần tăng năng lực sản xuất nền kinh tế cả nước, tăng tổng cung của nền kinh tê trong dài hạn

*Năm là:* Vốn đầu tư từ NSNN có tác động chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tích cực.

**2.2. Đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp**

***2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp***

Dựa trên những quan điểm khác nhau, tác giả đưa ra khái niệm đầu tư NSNN cho nông nghiệp là: *Là khoản vốn tồn tại dưới hình thái tiền tệ, được đầu tư cho ngành nông nghiệp của địa phương. Trong đó, số lượng vốn đầu tư, nội dung đầu tư, thời gian đầu tư…do chính quyền địa phương quyết định, quản lý, nhằm mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.*

***2.2.2. Đặc điểm của ngành nông nghiệp và sự cần thiết của việc đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp***

*- Đặc điểm ngành nông nghiệp*

Thứ nhất: Là một ngành sản xuất ra sản phẩm thiết yếu đối với cuộc sống của con người (sản xuất lương thực), và có quan hệ mật thiết với hai ngành còn lại của nền kinh tế là công nghiệp và dịch vụ.

Thứ hai: Là ngành sản xuất sử dụng nguồn lực chính là đất đai, tài nguyên thiên nhiên, hoạt động sản xuất diễn ra trên diện tích đất rộng lớn và ngoài trời..do đó, lệ thuộc và chịu nhiều tác động từ yếu tố tự nhiên (khí hậu, thời tiết, đất,nước..) và chịu nhiều rủi ro.

Thứ ba: Nông nghiệp là ngành chủ yếu diễn ra ở nông thôn và lực lượng lao động chính trong ngành nông nghiệp là nông dân.

*- Sự cần thiết của đầu tư vốn từ NSNN cho ngành nông nghiệp.*

*Một là:* Đầu tư vốn NSNNphát triển nông nghiệp sẽ giúp phát triển nhân lực trong ngành nông nghiệp nói riêng, nông thôn nói chung, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ đó góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống lao động nông nghiệp nói riêng và nông thôn nói chung.

*Hai là:* Làm thay đổi, nâng cao trình độ khoa học – công nghệ (KHCN) tạo ra động lực để phát triển một nền nông nghiệp chất lượng cao và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

*Ba là*: Làm thay đổi kết cấu hạ tầng theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, phát triển nông nghiệp nói riêng, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

*Bốn là:* Đầu tư để vốn phát triển ngành nông nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh, vùng kinh tế trọng điểm về nông nghiệp với quy mô lớn.

*Năm là:* Đầu tư vốn NSNN cho ngành nông nghiệp nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút đầu tư tư nhân (trong và ngoài nước) cho ngành nông nghiệp.

***2.2.3. Nội dung đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp***

*2.2.3.1. Đầu tư vốn NSNN cho nhân lực phục vụ nông nghiệp*

*2.2.3.2. Đầu tư vốn NSNN cho khoa học - công nghệ phục vụ nông nghiệp*

*2.2.3.3. Đầu tư vốn NSNN cho cơ sở hạ tầng nông nghiệp*

*2.2.3.4. Đầu tư vốn NSNN thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại phục vụ phát triển ngành nông nghiệp*

***2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả vốn đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp của địa phương***

*2.2.4.1. Các yếu tố thuộc về quản lý, sử dụng NSNN đầu tư cho nông nghiệp*

\**Chính sách đầu tư vốn từ NSNN cho ngành nông nghiệp.*

\* *Định hướng phát triển ngành nông nghiệp*

*2.2.4.2. Những yếu tố thuộc về quy mô, tốc độ tăng trưởng, cơ cấu đầu tư của NSNN cho nông nghiệp*

*\* Quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp.*

\* *Cơ cấu đầu tư theo lĩnh vực của NSNN cho ngành nông nghiệp: Nguồn nhân lực nông nghiệp; Khoa học, công nghệ cho nông nghiệp; Kết cấu hạ tầng trong nông nghiệp; Hoạt động xúc tiến thương mại.*

*2.2.4.3. Các yếu tố thuộc về khả năng hấp thụ khoản đầu tư từ NSNN*

*\* Điều kiện tự nhiên*

*\* Điều kiện kinh tế - xã hội*

Ngoài ra, *Các yếu tố khác như, phân cấp tài chính của địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã); tài nguyên thiên nhiên, môi trường, văn hóa, xã hội…của địa phương và những tác động từ bên ngoài như xu hướng phát triển nông nghiệp trong và ngoài nước, xu hướng tiêu dùng nông sản… cũng ảnh hưởng đến kết quả đầu tư vốn từ NSNN cho ngành nông nghiệp.*

***2.2.5. Những tiêu chí đánh giá kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển nông nghiệp.***

*2.2.5.1. Tăng trưởng nông nghiệp ổn định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp lý và phát huy thế mạnh của địa phương*

*2.2.5.2. Kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động trong ngành nông nghiệp*

*2.2.5.3. Kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển khoa học – công nghệ phục vụ nông nghiệp, tiến tới phát triển nông nghiệp công nghệ cao.*

*2.2.5.4 Kết quả đầu tư từ NSNN cho cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, phòng chống tác động của biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, không khí…*

*2.2.5.5. Kết quả đầu tư từ NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản, phát triển nông nghiệp hàng hóa.*

Ngoài ra, cũng giống như các nguồn vốn khác, vốn NSNN cũng biểu hiện hiệu quả đầu tư qua một số chỉ tiêu định lượng như:

*Tỷ lệ vốn đầu tư từ NSNN cho phát triển nông nghiệp trên GDP, giá trị sản lượng nông nghiệp của địa phương*

*Chỉ số ICOR nông nghiệp – Hệ số sử dụng vốn hay hệ số đầu tư tăng trưởng.*

**2.3. Đầu tư phát triển ngành nông nghiệp và bài học kinh nghiệm**

***2.3.1. Đầu tư từ NSNN để phát triển ngành nông nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm quốc tế***

*2.3.1.1. Đầu tư phát triển nông nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới*

Một là: Đầu tư từ NSNN để phát triển ngành nông nghiệp ở Đài Loan

Hai là: Đầu tư cho ngành nông nghiệp ở Nhật Bản

Ba là: Một số chính sách nông nghiệp của Thái Lan

Bốn là: Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của Ấn độ

Bốn là: Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của Ấn độ

*2.3.1.2. Kinh nghiệm quốc tế*

*Bài học thứ nhất*: Phải nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò của ngành nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương.

*Bài học thứ 2*: Xác định vai trò của nguồn vốn NSNN và tăng cường đầu tư vốn từ NSNN cho phát triển nông nghiệp

*Bài học thứ 3*: Xác định các lĩnh vực cần đầu tư và phân bổ đầu tư trong nông nghiệp bằng nguồn vốn NSNN để tăng năng suất, phát triển ngành nông nghiệp, đồng thời kích thích đầu tư từ những nguồn vốn khác.

*Bài học thứ tư*: Phải xác định, đầu tư vốn NSNN cho nông nghiệp không chỉ đơn thuần là nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà phải gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn (việc làm, ổn định chính trị, xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nông dân…)

***2.3.2. Đầu tư phát triển ngành nông nghiệp từ NSNN ở một số địa phương trong nước và bài học kinh nghiệm cho Thái Bình.***

*2.3.2.1. Phát triển nông nghiệp ở một số địa phương trong nước*

Một là: Đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở Hải Dương

Hai là: Phát triển nông nghiệp ở Cần Thơ

*2.3.2.2. Bài học kinh nghiệm về đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp của các địa phương trong nước.*

*Bài học thứ nhất*: Tăng cường sản xuất quy mô lớn và áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

*Bài học thứ hai*: Xác định lợi thế, mặt hàng chủ lực của địa phương đê đầu tư thỏa đáng, phát huy thế mạnh.

*Bài học thứ ba*: Chủ động, tích cực thúc đẩy xúc tiến thương mại

*Bài học thứ tư*: Phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

**CHƯƠNG 3**

**THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI BÌNH**

**3.1. Đặc điểm tình hình phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình**

***3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kết cấu hạ tầng và kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình***

*3.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên và kết cấu hạ tầng*

- Thái Bình là một tỉnh thuộc đồng bằng Sông Hồng, có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản. Có hệ thống sông ngòi đa dạng phục vụ cho việc tưới tiêu, hệ thống giao thông đường thủy, điều kiện khí hậu phù hợp với nông sản nhiệt đới và cận nhiệt đới.

- Khí hậu với độ ẩm cao và giáp biển cũng là một khó khăn trong việc bảo quản máy móc, thực phẩm, lây lan dịch bệnh và chịu ảnh hưởng do thiên tai, bão lũ.

- Thái Bình gần với các thành phố lớn như Hà nội, Hải phòng… là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường nông sản, khoa học công nghệ hiện đại cũng như nguồn tài chính của các thành phố lớn.

*3.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình*

- Thái Bình vẫn là một tỉnh sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, với số lượng cho lao động tham gia trong ngành nông nghiệp chiếm gần 60% (hết năm 2015). Dân đông, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp nguồn lao động cho nông nghiệp và thị trường tiêu thụ nông sản….

- Trong giai đoạn 2006 – 2011 kinh tế Thái Bình tăng trưởng nhanh nhưng trong giai đoạn 2011 – 2015 có xu hướng giảm dần. Trong đó, ngành nông nghiệp là ngành có tốc độ tăng trưởng thấp nhất, ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất và ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng tương đương với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế toàn tỉnh.

***3.1.2. GDP nông nghiệp tỉnh Thái Bìh***

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

*Nguồn: Niên giám thống kê Thái Bình (nẳm 2010 và 2015)*

***Hình 3.1. Tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp tỉnh Thái Bình từ 2006 đến 2015 (Theo giá thực tế)***

***3.1.3. Lao động nông nghiệp tỉnh Thái Bình***

Đến năm 2015, lao động làm nông nghiệp vẫn chiếm đến 49,5% lao động có việc làm và chiếm 35,4% lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (tương đương khoảng 500.000 lao động nông nghiệp), mặc dù nông tỷ lệ đóng góp của nông nghiệp cho GDP toàn tỉnh chỉ là 33,4%. Nhìn chung tốc độ chuyển đổi lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp của Thái Bình chậm và chậm hơn so với các tỉnh trong cùng khu vực đồng bằng sông Hồng.

***3.1.4. Khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp tỉnh Thái bình***

Khoa học công nghệ đầu tư cho trồng lúa của tỉnh khá tốt, trong khâu làm đất có đến 90% sử dụng máy móc, cơ giới hóa trong khâu gieo cấy và gặt lúa chiếm tỷ lệ cao, từ 40 – 60%. Tỷ lệ này cao hơn so với mức trung bình của Việt Nam và cao nhất so với các tỉnh trong vùng đồng bằng Sông Hồng. Tỉnh Thái Bình cũng quan tâm đầu tư cho khâu nghiên cứu giống lúa, giống thủy sản, trong khâu giống, thức ăn, phân bón, chăm sóc cây trồng vật nuôi và cả khâu chế biến. Tuy nhiên còn rất hạn chế, có một số ngành hàng còn lệ thuộc rất nhiều vào bên ngoài trong tất cả các khâu vì vậy làm giảm giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp của tỉnh

***3.1.5. Cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp tỉnh Thái Bình***

Thái Bình có hệ thống thủy lợi, dẫn thủy nhập điền rất thuận lợi. Hiện nay,Thái Bình đã chủ động tưới tiêu trên 90% diện tích lúa canh tác, hệ thống đường giao thông nói chung và giao thông nội đồng nói riêng khá hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp. Các gia trại và trang trại đều có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tương đối đầy đủ phục vụ chăn nuôi gà và lợn. Cơ sở hạ tầng cho các ngành nuôi trồng thủy sản còn nhiều hạn chế như ngành ngao, ngành tôm có hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi bến bãi, kho lưu và các dịch vụ liên quan, đặc biệt là kho lưu và các dịch vụ chưa được chú trọng đầu tư…

Nói tóm lại, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp của tỉnh Thái Bình mặc dù đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vẫn thiếu, chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng thủy lợi, cơ sở sản xuất giống thủy sản, khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão.

***3.1.6. Hoạt động xúc tiến thương mại phục nông sản tỉnh Thái Bình***

Hoạt động xúc tiến thương mại cho ngành nông nghiệp đã được tỉnh Thái Bình (Sở Công thương, Phòng xúc tiến thương mại) quan tâm triển khai từ nhiều năm nay, thúc đẩy hoạt động tiêu thụ nông phẩm, quảng bá giới thiệu nông sản của tỉnh cũng như làm tăng giá trị nông sản, tăng thêm lợi ích thu được cho người sản xuất và cả người tiêu dùng.

Trong khoảng thời gian từ 2006 đến 2015, đặc biệt từ 2011 đến 2015, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều kỳ hội chợ, trong đó tiêu biểu là 4 kỳ Hội chợ nông nghiệp Quốc tế đồng bằng Bắc bộ. Tỉnh cũng tham gia Hội chợ tổ chức ở nước ngoài như Lào, Capuchia, Myanmar. Ngoài ra, tỉnh cũng quan tâm đến việc tổ chức việc thma quan và tìm hiểu thị trường nước ngoài.

**3.2.Tình hình đầu tư từ ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình.**

***3.2.1. Khái quát tình hình đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn 2006 – 2015***

Từ năm 2006 đến nay, Thái Bình luôn dành một lượng lớn vốn NSNN để đầu tư cho ngành nông nghiệp.

**Bảng 3.2. Vốn đầu tư từ NSNN toàn tỉnh và đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2006** | **2007** | **2008** | **2009** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| Vốn NSNN toàn tỉnh (Triệu đồng) | 741.075 | 782.889 | 873.211 | 1.675.342 | 1.698.920 | 2.066.889 | 2.381.535 | 2.427.793 | 4.474.341 | 5.460.837 |
| Vốn NSNN cho NN(Triệu đồng) | 222.308 | 321.543 | 391.254 | 315.421 | 438.532 | 455.866 | 546.643 | 585.435 | 701.367 | 821.528 |
| Vốn đầu tư cho NN(Triệu đồng) | 372480 | 570441 | 628108 | 536980 | 679538 | 765866 | 876634 | 975499 | 1392600 | 1450570 |
| Tỷ trọng NSNN cho NN/tổng vốn NSNN (%) | 30 | 41,07 | 44,81 | 18,83 | 25,81 | 22,06 | 22,95 | 24,11 | 15,68 | 15,04 |
| Tỷ trọng vốn NSNN cho NN/ tổng vốn cho NN (%) | 59,68 | 56,37 | 62,29 | 58,74 | 64,53 | 59,52 | 62,36 | 60,01 | 50,36 | 56,63 |

 *Nguồn: Niên giám thống kê Thái bình, năm 2010, 2015*

Qua bảng trên, thấy rõ vốn NSNN đầu tư cho ngành nông nghiệp của tỉnh tăng dần về số lượng tuyệt đối nhưng giảm dần về tỷ trọng trên tổng số vốn NSNN của tỉnh trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến 2015, điều đó chứng tỏ vốn NSNN đầu tư cho nông nghiệp vẫn tăng nhưng phần tăng thêm của NSNN được tỉnh đầu tư nhiều hơn cho những ngành khác (công nghiệp, dịch vụ) để phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

***3.2.2.* *Đầu tư NSNN cho phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp***

Đầu tư cho nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp là đầu tư để, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu, lao động trực tiếp sản xuất, dạy nghề cho nông dân…

Trong khoảng thời gian từ năm 2006 – 2015 tỉnh đã đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp cho tất cả các hạng mục đầu tư tăng từ 16.401 (triệu đồng), năm 2006, 29.700 (triệu đồng) năm 2011 và đến 2015 thì con số này là 52.389 (triệu đồng). Điều này chứng tỏ trong thời gian qua tỉnh Thái Bình luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động trong ngành và đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

***3.2.3. Đầu tư NSNN cho khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp***

**Bảng 3.6. Vốn NSNN cho xây dựng mô hình, nghiên cứu và mua giống cây trồng, hỗ trợ mua máy phục vụ sản xuất nông nghiệp và hỗ trợ các chương trình đề án từ vốn khuyến nông**

 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 22006 | 22007 | 22008 | 22009 | 22010 | 22011 | 22012 | 22013 | 22014 | 22015 |
| X. dựng mô hình | 8.700 | 10.600 | 12.321 | 15.156 | 17.891 | 18.123 | 18.234 | 19.135 | 20.154 | 20.008 |
| N.Cứu và mua giống | 51.457 | 54.137 | 54.434 | 63.469 | 72.225 | 80.110 | 85.219 | 87.156 | 99.134 | 102.023 |
| Ứ. dụng KHCN (máymóc) | 42.845 | 44.325 | 43.221 | 43.469 | 52.456 | 60.278 | 65.264 | 70.479 | 79.258 | 88.492 |
| **Tổng** | 103.002 | 109.062 | 109.976 | 122.121 | 142.572 | 168.606 | 168.699 | 176.770 | 198.546 | 210.523 |

*Nguồn: Tính Toán từ số liệu của Sở Tài chính, Sở NN & PTNT*

Qua bảng trên cho thấy, trong khoảng thời gian từ 2006 đến 2015 tỉnh Thái Bình luôn chú trọng đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp. Trong đó, đặc biệt kinh phí đầu tư cho việc xây dựng mô hình thử nghiệm năm 2015 tăng gấp 3 lần so với năm 2006.

Các hạng mục đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng giống mới, hỗ trợ mua máy móc đều tăng hơn 100% trong khoảng thời gian đó.

***3.2.4. Đầu tư NSNN cho cơ sở hạ tầng của sản xuất nông nghiệp***

**Bảng 3.7. Vốn NSNN cho hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây mới, cải tạo, nâng cấp một số cơ sở vật chất khác.**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| NNăm | 22006 | 22007 | 22008 | 22009 | 22010 | 22011 | 22012 | 22013 | 22014 | 22015 |
| X.Xdựng, cải tạo HT Thủy lợi | 50.132 | 64.001 | 88.457 | 80.988 | 92.568 | 102.343 | 136.789 | 155.113 | 167.132 | 198.354 |
| CC..tạo, N.cấp một số csvc | 23.236 | 25.278 | 26.134 | 27.367 | 29.784 | 32.223 | 35.110 | 38.122 | 39.001 | 45.135 |
| **TTổng** | 73.368 | 89.279 | 114.591 | 108.355 | 122.352 | 134.566 | 171.899 | 193.235 | 206.133 | 243.489 |

*Nguồn: Tính Toán từ số liệu của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư*

Khoản vốn NSNN được đầu tư cho cơ sở hạ tầng nông nghiệp được thống kê trên đây bao gồm các khoản: Đầu tư xây dựng, cải tạo trạm bơm; nạo vét, kè chống xói lở kênh mương; xây dựng hệ thống đường ống cho vùng sản xuất rau màu; cứng hóa mặt đê, nâng cấp và xử lý một số đoạn kè; xây dựng và nâng cấp một số hệ thống cống đập nội đồng…gọi chung là khoản đầu tư cho cơ sở hạ tầng nông nghiệp. Khoản đầu tư này của NSNN trong giai đoạn 2006 đến 2015 có xu hướng tăng, mặc dù mức độ tăng khác nhau qua từng năm, do đặc thù của nội dung đầu tư.

***3.2.5. Đầu tư NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông nghiệp***

 **Bảng 3.8. Vốn đầu tư từ NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản**

 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| NNăm | NSNN cho tổ chức Hội nghị, triển lãm và thu thập thông tin giá cả thị trường | NSNN tổ chứcHội chợ và hỗ trợ tiêu thụ nông sản của địa phương | NSNN khảo sát thị trường trong và ngoài nước | NSN hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, nâng cao năng lực XTTM và xuất khẩu | Tổng |
| 22006 | 95 | 200 | 85 | 33 | 413 |
| 22007 | 95 | 205 | 91 | 38 | 437 |
| 22008 | 103 | 205 | 98 | 45 | 451 |
| 22009 | 121 | 237 | 109 | 59 | 610 |
| 22010 | 131 | 275 | 145 | 68 | 619 |
| 22011 | 135 | 300 | 197 | 72 | 701 |
| 22012 | 148 | 325 | 213 | 97 | 783 |
| 22013 | 157 | 386 | 225 | 98 | 866 |
| 22014 | 200 | 405 | 247 | 123 | 975 |
| 22015 | 215 | 485 | 295 | 150 | 1.145 |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Sở Công Thương và Sở Tài chính tỉnh Thái Bình*

Hoạt động xúc tiến thương mại bao gồm rất nhiều hình thức, khâu thực hiện, trên đây tác giả tổng kết những hoạt động chính được đầu tư, hỗ trợ từ NSNN.

Qua Bảng 3.8, cho thấy vốn NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản tăng nhanh về số lượng tuyệt đối, điều đó chứng tỏ rằng trong những năm gần đây, tỉnh Thái Bình đã quan tâm hơn đến việc tăng cường xúc tiến thương mại nông sản thúc đẩy hoạt động nhằm mở rộng thị trường nông sản.

**3.3. Đánh giá kết quả của việc đầu tư từ ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệptỉnh Thái Bình**

***3.3.1. Tăng trưởng nông nghiệp ổn định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý, phát huy thế mạnh của tỉnh.***

*Tăng trưởng nông nghiệp ổn định*: Trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến năm 2015, ngành nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) có mức độ tăng trưởng ổn định, góp phần làm cho mức tăng giá trị sản xuất của toàn bộ nền kinh tế của tỉnh ở mức ổn định, bền vững (có số liệu minh chứng)

*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng phát huy thế mạnh ngành nông nghiệp của tỉnh:* Cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp của tỉnh trong thời gian từ 2006 đến 2015 chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành nông nghiệp(trồng trọt và chăn nuôi) trong đó chăn nuôi chiếm tỷ trọng ngày càng cao, đặc biệt tỷ trọng ngành thủy sản chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng giá trị của ngành nông nghiệp, đây là ngành thế mạnh của tỉnh (có số liệu mc)

***3.3.2. Kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, tăng năng suất lao động nông nghiệp.***

*Lao động được đào tạo trong ngành nông nghiệp:* Tỷ lệ lao động được đào tạo trong ngành nông nghiệp nói riêng và ở khu vực nông thôn nói chung có xu hướng tăng trong khoảng thời gian từ 2006 đến 2015 (có số liệu minh chứng)

*Năng suất lao động trong ngành nông nghiệp tăng:* Năng suất lao động nông nghiệp tăng thể biện ở giá trị do lao động nông nghiệp tạo ra ngày càng tăng, thu nhập lao động nông nghiệp nói riêng và khu vực nông thôn nói chung tăng nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập bình quân của tỉnh trong giai đoạn 2006 đến 2015 (có số liệu minh chứng)

***3.3.3. Kết quả đầu tư từ NSNN cho phát triển khoa học – công nghệ phục vụ nông nghiệp, tiến tới phát triển nông nghiệp công nghệ cao.***

Trong khoảng thời gian từ 2006 đến 2015 vốn NSNN đầu tư cho phát triển khoa học – công nghệ đã đạt được những kết quả nhất định: Đã đưa vào ứng dụng nhiều mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, nghiên cứu và nuôi trồng thử nghiệm thành công nhiều giống cây, giống con mới cho năng suất chất lượng cao. Nhiều loại máy móc mới có năng suất cao được đưa vào sử dụng trong nông nghiệp…Năng suất cây trồng vật nuôi, thủy sản của tỉnh đều tăng nhanh và tăng cao trong thời gian qua do ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp (có số liệu minh chứng)

***3.3.4. Kết quả đầu tư từ NSNN cho cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, phòng chống tác động của biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, không khí…***

*NSNN đầu tư cho cơ sở hạ tầng phát triển nông nghiệp, tập trung cho công tác phòng chống tác động của biến đổi khí hậu.*

Thái Bình đã tập trung đầu tư NSNN để kiên cố hóa kênh mương, xây dựng hệ thống đê kè, nạo vét sông hồ, kênh mương phục vụ tưới tiêu. Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Xây dựng, cải tạo một số cơ sở vật chất khác phục vụ hoạt động sản xuất, lưu trữ, chế biến, trao đổi nông sản. Giúp cho hoạt động sản xuất của ngành nông nghiệp đạt năng suất cao hơn và gia tăng giá trị nông sản. (có số liệu minh chứng)

***3.3.5. Kết quả đầu tư từ NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản.***

***Ngoài ra có thể đánh giá kết quả đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình theo hiệu quả kinh tế***

*Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ vốn đầu tư từ NSNN cho phát triển nông nghiệp trên GDP, giá trị sản lượng nông nghiệp của địa phương*

*Chỉ tiêu 2: Chỉ số ICOR nông nghiệp – Hệ số sử dụng vốn hay hệ số đầu tư tăng trưởng.*

**3.4. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của kết quả đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình**

***3.4.1. Mặt tích cực (ưu điểm, thành tựu) của đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp ở tỉnh Thái Bình***

*Thứ nhất: Vốn NSNN đã đầu tư đúng hướng, phát huy được thế mạnh của ngành nông nghiệp Thái Bình*

*Thứ hai: Tăng năng suất và đạt hiệu quả sử dụng vốn cao*

*Thứ ba: Bước đầu tạo hiệu ứng lan tỏa, kích thích được mức đầu tư của doanh nghiệp và hộ gia đình cho nông nghiệp*

*Thứ tư: Góp phần quan trọng làm gia tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp và thúc đẩy ngành nông nghiệp Thái bình theo hướng sản xuất hàng hóa.*

*Thứ 5: Chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu ngành theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:*

***3.4.2. Những hạn chế trong đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp và nguyên nhân***

*Một là: Khoản đầu tư từ NSNN chưa khai thác hết được tiềm năng phát triển nông nghiệp của Thái Bình.*

*Hai là: Đầu tư NSNN cho phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp còn ít, dẫn đến năng suất lao động ngành nông nghiệp thấp.*

*Ba là: Chưa chú trọng đầu tư cho nghiên cứu và áp dụng khoa học – công nghệ trong nông nghiệp*

*Bốn là: Cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp còn thiếu, chưa đồng bộ, nhất là cơ sở sản xuất giống thủy sản và hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho khâu chế biến và tiêu thụ nông sản.*

*Năm là: Hoạt động xúc tiến thương mại tiêu thụ nông sản còn nhiều hạn chế.Chưa giới thiệu cũng như tiêu thụ được nhiều mặt hàng nông sản của địa phương ở các thị trường khó tính trong nước cũng như nước ngoài, do đó hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao.*

**CHƯƠNG 4**

**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NGÀNH**

**NÔNG NGHIỆP** **TỈNH THÁI BÌNH**

**4.1. Bối cảnh mới tác động đến sự phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Bình.**

***4.1.1. Những thách thức cho sự phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong thời gian tới*.**

*Thứ nhất: Thị trường đầu ra cho ngành nông nghiệp cạnh tranh cao và bất ổn*

*Thứ hai: Ngành nông nghiệp hiện tại đang sử dụng nhiều hóa chất trong quá trình sản xuất.*

*Thứ ba: Áp lực dân số và lao động ở nông thôn*

*Thứ tư: Biến đổi khí hậu ảnh hưởng mạnh tới ngành nông nghiệp của Thái Bình.*

*Thứ năm: Vốn đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp còn hạn hẹp*

***4.1.2. Những cơ hội cho sự phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình.***

*Thứ nhất: Nhu cầu tiêu thụ nông sản có xu hướng tăng lên cả thị trường trong và ngoài tỉnh.*

*Thứ hai: Hội nhập kinh tế giúp mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.*

*Thứ ba: Khoa học ngày càng phát triển tạo điều kiện thuận phát triển nông nghiệp.*

***4.1.3. Xu hướng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thái bình trong thời gian tới.***

*Một là: Tăng quy mô sản xuất*

*Hai là: Tăng cường khâu chế biến, nâng cao giá trị nông sản*

*Ba là: Áp dụng khoa học công nghệ trong tất cả các khâu.*

*Bốn là: Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và hộ sản xuất*

*Năm là: Tăng cường thu hút đầu tư vào khu vực nông nghiệp*

*Sáu là: Rút lao động ra khỏi nông nghiệp*

**4.2. Định hướng, mục tiêu phát triển nông nghiệp và đầu tư vốn ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp tỉnh thái bình đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm** **2030**

***4.2.1. Định hướng và mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp***

*4.2.1.1. Định hướng phát triển ngành nông nghiệp*

***Định hướng chung***: Trong giai đoạn 2015 – 2025: Chuyển dịch hiệu quả nguồn lực sản xuất giữa các tiểu ngành và chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, từng bước nâng cao quy mô sản xuất. Tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và dich vụ

*4.2.1.2. Mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình*

***Mục tiêu chung****:* Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao thu nhập cho hộ nông dân thông qua đẩy mạnh ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, tăng quy mô sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng chuỗi giá trị liên kết giữa các tác nhân, nhất là giữa doanh nghiệp và các hộ nông dân.

***Mục tiêu cụ thể đến năm 2020***

Toàn ngành:

* Tốc độ tăng trưởng toàn ngành trung bình giai đoạn 2016 – 2020 đạt 2,5%/năm trong đó: trồng trọt 0,4%, chăn nuôi 3,5%, thủy sản 6%
* Tỷ trọng các ngành trong tổng cơ cấu nông, lâm, thủy sản như sau: trồng trọt là 32%, chăn nuôi 31%, dịch vụ 6,9%, lâm nghiệp là 0,1% và thủy sản là 30%.

***4.2.2. Quan điểm và định hướng đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình***

*Thứ nhất: Vốn NSNN đầu tư cho nông nghiệp vẫn duy trì một tỷ lệ nhất định trong cơ cấu đầu tư toàn bộ nền kinh tế của tỉnh.*

*Thứ hai: Dùng vốn NSNN để khuyến khích đầu tư tư nhân vào ngành nông nghiệp, đặc biệt thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp quy mô lớn.*

*Thứ ba: Điều chỉnh cơ cấu đầu tư NSNN theo lĩnh vực, ngành hàng ưu tiên*

*Thứ tư: Đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các chương trình đầu tư cơ sở sử dụng NSNN để phát triển nông nghiệp, nông thôn.*

**4.3. Giải pháp đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp tỉnh thái bình nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước và thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình**

***4.3.1. Giải pháp đối với phát triển nguồn nhân lực phục vụ ngành nông nghiệp***

***Đầu tư phát triển nguồn nhân lực phụ vụ nông nghiệp, hướng tới tăng năng suất lao động nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn***

Tập trung cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giống

Tăng kinh phí hỗ trợ để tập huấn cho nông hộ và nên thực hiện theo phương thức tập huấn ngay trên cánh đồng, chuồng trại…

Đặc biệt đối với các chủ trang trại, gia trại, cần phải hỗ trợ NSNN được tập huấn thường xuyên, cập nhật những kỹ thuật nuôi trồng mới , quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn (VGAP, GGAP hay GAHP).

Đầu tư NSNN đổi mới phương thức đào tạo theo hướng gắn đào tạo kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc…theo ngành hàng và theo vùng chuyên canh.

***4.3.2. Giải pháp đối với phát triển khoa học – công nghệ phục vụ ngành nông nghiệp***

*Ưu tiên đầu tư NSNN cho phát triển khoa học công nghệ và tăng khả năng áp dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp*

Ưu tiên vốn NSNN để xây dựng, phát triển các cơ sở nghiên cứu và sản xuất giống, nhằm chủ động cả về số lượng, chất lượng và nguồn gốc giống

Phải đầu tư NSNN cho các mô hình nuôi trồng thử nghiệm các giống mới được nghiên cứu hoặc có những chính sách hỗ trợ cho các hộ nông dân, doanh nghiệp đưa vào nuôi, trồng thử nghiệm các giống mới.

Hỗ trợ vốn để các hộ nông dân, doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn trong trồng trọt (VGAP, GGAP), chăn nuôi (GAHP) và thủy sản và các mô hình sản xuất lớn.

***4.3.3. Giải pháp đối với cơ sở hạ tầng phục vụ ngành nông nghiệp***

*Duy trì và ổn định nguồn vốn NSNN để duy tu, cải tạo và nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.*

Đầu tư kinh phí từ NSNN để rà soát để điều chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng…

Hỗ trợ đầu tư NSNN xây dựng kho chứa, bảo quản nông sản, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến

Hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, đường, nước) đến các khu quy hoặc chăn nuôi và giết mổ tập trung và cho vay vốn ưu đãi đối với các doanh nghiệp xây dựng nhà máy giết mổ công nghệ cao, an toàn.

Đầu tư NSNN cho hạ tầng nông nghiệp nhằm đảm bảo thu hút đầu tư tư nhân cho nông nghiệp.

***4.3.4. Giải pháp đối với hoạt động xúc tiến thương mại nông sản***

*Đầu tư NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản nhằm mở rộng thị trường, nâng cao giá trị nông sản của địa phương.*

Đa dạng hóa các hình thức xúc tiến thương mại, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục cho các hình thức xúc tiến thương mại

Có ưu đãi về đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản

Đầu tư, hỗ trợ kinh phí để xây dựng chiến lược quảng bá sản phảm tại thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, cũng như công tác nghiên cứu, xúc tiến thương mại.

Có chính sách hỗ trợ cũng như khen thưởng trong việc tìm kiếm thị trường, kí kết hợp đồng tiêu thụ nông sản

Có cơ chế hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho nông sản của tỉnh

Hỗ trợ kinh phí xây dựng, giới thiệu các chỉ dẫn địa lý

***4.3.5. Một số giải pháp khác nhằm làm tăng hiệu quả đầu tư nói chung và đầu tư từ NSNN nói riêng cho ngành nông nghiệp***

*4.3.5.1. Giải pháp đầu tư theo ngành hàng*

\* Đối với ngành trồng trọt

\*Đối với ngành chăn nuôi

\*Đối với ngành thủy sản

*4.3.5.2. Một số giải pháp có liên quan đến đầu tư vốn NSNN cho ngành nông nghiệp*

\* Dồn điền, đổi thửa, hình thành cánh đồng mẫu lớn, vùng chuyên canh.

\* Bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển nông nghiệp

\* Hỗ trợ NSNN để tăng cường sự liên kết giữa các nhà trong chuỗi giá trị.

**KẾT LUẬN**

Đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp của một địa phương là một vấn đề có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn. Ngành nông nghiệp không chỉ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế. Hơn thế, đối tượng tham gia chủ yếu vào ngành này là nông dân ở khu vực nông thôn vì vậy phát triển nông nghiệp còn góp phần đảm bảo ổn định chính trị, xã hội. NSNN là một nguồn vốn có những đặc điểm riêng biệt, đặc biệt với vai trò “vốn mồi” để thu hút các nguồn vốn khác đầu tư cho nông nghiệp. Vì vậy, đánh giá đúng vai trò của đầu tư NSNN cho nông nghiệp của mỗi địa phương là hết sức cần thiết.

Luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu về đầu tư từ NSNN nói chung và đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp nói riêng. Từ đó thấy được những vấn đề về đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp mà các tác giả đã đề cập để kế thừa, đồng thời cũng xác định được những vấn đề mà các nghiên cứu trước đó chưa hoặc không đề cập đến và cần làm rõ trong nghiên cứu của mình.

Luận án đã hệ thống cơ sở lý luận về đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp. Hình thành khung lý thuyết cho đề tài nghiên cứu của luận án. Trong đó, tác giả luận án tiếp cận nghiên cứu đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp theo nội dung đầu tư bao gồm: đầu tư NSNN cho phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp và hoạt động xúc tiến thương mại nông sản. Việc nghiên cứu đầu tư từ NSNN cho nông nghiệp theo nội dung đầu tư sẽ giúp cho việc nghiên cứu tình hình đầu tư cũng như đánh giá kết quả đầu tư cụ thể hơn, sát thực hơn. Luận án cũng xác định các tiêu chí để đánh giá kết quả đầu tư bao gồm: Tăng trưởng nông nghiệp ổn định, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp lý và phát huy thế mạnh của địa phương; phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động trong ngành nông nghiệp; phát triển khoa học – công nghệ phục vụ nông nghiệp, tiến tới phát triển nông nghiệp công nghệ cao; phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, phòng chống tác động của biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, không khí; hoạt động xúc tiến thương mại nông sản, phát triển nông nghiệp hàng hóa. Đồng thời cũng chỉ rõ những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp của địa phương. Tác giả cũng nghiên cứu kinh nghiệm đầu tư của một số quốc gia, đặc biệt những quốc gia có đặc điểm tương đồng trong phát triển nông nghiệp với Việt Nam và một số địa phương trong nước, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp nói chung và cho địa phương nói riêng.

Luận án đã nghiên cứu tình hình đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình nói chung, tình hình đầu tư NSNN cho nông nghiệp theo nội dung nghiên cứu, đánh giá kết quả đầu tư theo các tiêu chí đã xác định và tổng kết những mặt tích cực và những hạn chế còn tồn tại chỉ ra nguyên nhân, trong việc đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong khoảng thời gian từ 2006 đến 1015. Qua việc nghiên cứu phân tích, tình hình đầu tư NSNN cho nông nghiệp và đánh giá kết quả đầu tư từ năm 2006 đến 2015, tác giả nhận thấy: trong khoảng thời gian từ 2006 đến 2015, Thái Bình đã quan tâm, ưu tiên NSNN để đầu tư cho nông nghiệp (tính theo tỷ trọng NSNN cho nông nghiệp so với tổng NSNN của tỉnh và tỷ trọng NSNN cho nông nghiệp so với tổng vốn đầu tư cho nông nghiệp). Tuy nhiên, từng nội dung đàu tư còn chưa hợp lý: Đầu tư NSNN cho cơ sở hạ tầng đáp ứng được yêu cầu cơ bản cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh; đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp còn ít, nhất là khâu nghiên cứu giống; đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp phù hợp với điều kiện NSNN của địa phương nhưng chưa hiệu quả; đầu tư NSNN cho hoạt động xúc tiến thương mại nông sản chưa được quan tâm, đầu tư chưa tương xứng với vai trò của khâu này đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp trong điều kiện hiện nay.

Luận án đã phân tích những thuận lợi và khó khăn trong phát triển nông nghiệp của tỉnh Thái Bình, xem xét mục tiêu và định hướng phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới (đến 2020 và tàm nhìn đến 2030). Kết hợp với thực trạng tình hình đầu tư và kết quả đầu tư NSNN cho ngành nông nghiệp của Thái Bình trong thời gian qua, tác giả đề xuất một số giải pháp về đầu tư NSNN cho nông nghiệp tỉnh Thái Bình trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư NSNN cho nông nghiệp, tăng năng suất lao động, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, gia tăng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp, phát huy vai trò của NSNN trong việc phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế - xã hôi của Thái Bình nói chung.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng để tham khảo cho một số địa phương khi xem xét vấn đề đầu tư NSNN cho nông nghiệp. Đặc biệt việc xác định nội dung đầu tư và đánh giá kết quả đầu tư theo các tiêu chí đã trình bày trong luận án rất thiết thực, phù hợp với thực tiễn hiện nay trong vấn đề đầu tư NSNN cũng như trong phát triển ngành nông nghiệp. Từ đó, tùy thuộc vào đặc điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển nông nghiệp của từng địa phương để đề xuất giải pháp cho đầu tư NSNN cho nông nghiệp của địa phương.

CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH

1. Đặng Thi Hoài (2011), “Một số giải pháp giảm nghèo bền vững”, Tạp chí Quản lý Nhà nước số 188, tháng 9/2011.

2. Đặng Thị Hoài (2012), “Giảm nghèo bền vững nhằm góp phần nâng cao đời sống nhân dân và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia, ĐHQG HN, 2012

3. Đặng Thị Hoài (2013), “Một số giải pháp nhằm thực hiện xóa đói, giảm nghèo bền vững ở Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo dành cho NCS và CHV, ĐHQG HN

4. Đặng Thị Hoài (2014), “Biến đổi khí hậu ở Việt Nam- Tác động của nó và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 215 – tháng 6 nưm 2014

5. Đặng Thị Hoài- tham gia (2016), “Phân phối lợi nhuận: Từ lý luận của C. Mác đến thực tiễn ngày nay” – Sách tham khảo – Chủ biên: PGS. TS. Đoàn Xuân Thủy, NXB Thông tin và Truyền Thông

6. Đặng Thị Hoài (2016), “Một số vấn đề lý luận về đầu tư từ NSNN cho ngành nông nghiệp”, Tạp chí Kinh tế Châu á Thái Bình Dương, số 484, tháng 12/2016

7. Đặng Thị Hoài (2017), “ Đầu tư cho phát triển nông nghiệp của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 253, tháng 2/2017

8. Đặng Thị Hoài, Phạm Thị Hồng Điệp, (2017), “Đầu tư công cho ngành nông nghiệp: Cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế”, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia, Học viện Chính trị Khu vực I, năm 2017